

Số: 557/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Căn hộ B chung cư G, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Đăng H1**, sinh năm 1983; địa chỉ: Căn hộ E khu A chung cư C, 62 T1, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đăng H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T và anh H1 xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Đăng Đông Q, sinh ngày 05/09/2009, Nguyễn Đăng Đông A sinh ngày 16/6/2011.

Chị T và anh H1 thoả thuận: Giao con Nguyễn Đăng Đông Q và Nguyễn Đăng Đông A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Đăng H1 cấp dưỡng tiền nuôi cháu Q và A với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)

mỗi tháng cho mỗi cháu; thời gian cấp dưỡng từ khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q và A đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. *Về tài sản chung*: Chị T và anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về nợ chung*: Chị T và anh H1 xác nhận không có nợ chung.

2.4. *Về án phí*: Chị T và anh H1 thỏa thuận chị T chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0005822 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường G1, thành phố H;
(ĐKKH số 100 ngày 25/9/2003 tại UBND phường P cũ);
- Lưu dán;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú